

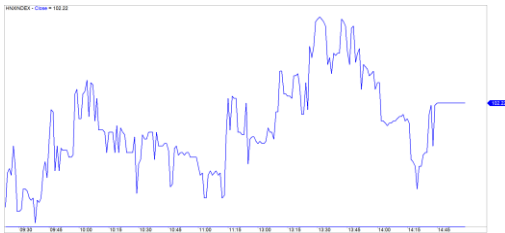
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	968.54	102.22	55.56
% ngày	0.87%	0.96%	0.69%
% tuần	0.35%	-0.17%	-1.92%
% tháng	0.86%	0.18%	0.36%
% năm	7.82%	0.43%	4.77%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,997	399	431
TB 1 tuần	3,804	345	205
TB 1 tháng	4,061	391	235
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	1,640.01	2.13	13.70
Bán	567.69	3.98	5.29
Giá trị ròng	1,072.32	-1.85	8.40
Độ rộng TT			
Mã Tăng	146	56	154
Mã Giảm	147	75	112
Không Đổi	97	240	637
Chỉ số chính			
P/E	15.70	8.90	16.54
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,288	189	911
LS Cổ tức	2.35%	4.63%	4.23%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Xung lực tăng tiếp tục duy trì tích cực trên các chỉ số thị trường Việt Nam phiên cuối tuần. Cụ thể, chỉ số VN-Index tăng 0.87% đóng cửa tại 968.54 điểm gần mức cao nhất trong ngày mặc dù rung lắc mạnh trong phiên chiều. Tương tự, chỉ số HNX-Index tăng 0.96% neo tại 102.22 điểm, Upcom-Index cũng tăng 0.68%. Điểm cộng hôm nay là dòng tiền tiếp tục cải thiện với giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường đạt mức 3,450 tỷ đồng.

Nhóm Ngân hàng tiếp tục là nhóm cổ phiếu dẫn dắt thị trường. Cụ thể, CTG tăng 4.9% dừng tại 23,550 đồng/cp với mức thanh khoản hơn 14,7 triệu cp mức cao nhất từ cuối tháng 03.2019 cho tới nay. BID cũng duy trì xung lực tăng với mức tăng +3.3% đóng cửa tại 51,300 đồng/cp. Ngoài ra, VPB(+1.4%), HDB(+2.2%), VCB(+0.9%), MBB(+1.7%), TCB(+0.4%) trên HSX và SHB(+9.2%), ACB(+1.3%) trên HNX cũng giao dịch khá tích cực. NKG tiếp tục xu hướng tăng với mức tăng 5.9% dừng tại 8,950 đồng/cp sau khi tạo nền trên ngưỡng 5,500 đồng/cp. CII, HBC, NBB, PC1...cũng có mức tăng khá tích cực trong khi HDC, PDR, LDG, SZL, TIP...giảm giá khá.

Khối ngoại mua ròng hơn 1078.8 tỷ đồng phát sinh từ giao dịch thỏa thuận của PDG đạt hơn 1,020 tỷ đồng. CTG(55 tỷ), HPG(26.5 tỷ) cũng được mua ròng tích cực. Ở chiều ngược lại, VCB(59.9 tỷ), KDC(25.6 tỷ) dẫn đầu ở chiều bán ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể điều chỉnh ở các phiên giao dịch đầu tuần khi các chỉ số đối mặt với các mức kháng cự ngắn hạn. Đồng thời, áp lực chốt lời có thể gia tăng ở nhóm cổ phiếu ngân hàng khi nhiều cổ phiếu trong nhóm này đã rơi vào trạng thái quá mua, điểm tích cực là dòng tiền lại quay trở lại nhóm cổ phiếu Largecaps cho nên đà tăng của thị trường có thể sẽ bền vững hơn. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm cho thấy dòng tiền vẫn chưa lan tỏa và tâm lý nhà đầu tư vẫn còn thận trọng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi nâng mức xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index từ GIẢM lên TĂNG và duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức kháng cự ở mức 103.02 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn nên dừng bán và nắm giữ danh mục hiện tại. Vị thế mua mới cần quan sát thêm.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 34% cổ phiếu/66% tiền.

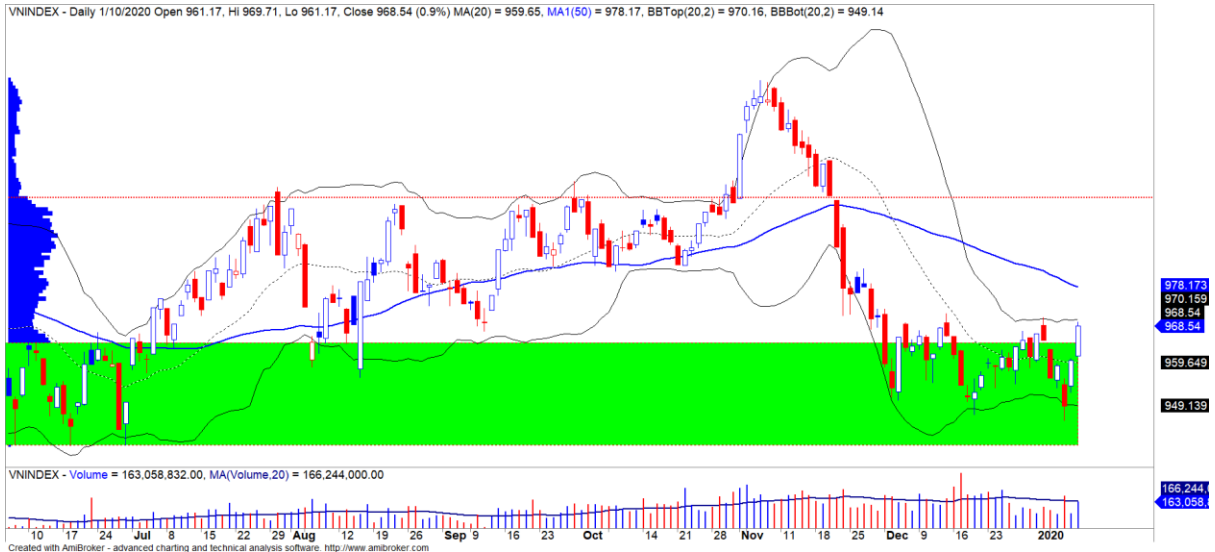
Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 35% cổ phiếu/65% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.10	GIẢM	GIẢM		12.84				14.25		
ACB	22.70	GIẢM	TĂNG		22.92			24.00	22.57	-5.42%	
ACV	72.90	GIẢM	GIẢM		75.88				78.74		
ANV	22.00	TĂNG	GIẢM	22.80	21.77	-3.51%			24.61		
ASM	6.40	GIẢM	GIẢM		6.89				7.24		
BFC	11.40	GIẢM	GIẢM		12.03				13.25		
BID	51.30	TĂNG	TĂNG	41.90	46.10	22.43%		33.40	22.24	53.59%	
BMP	45.80	GIẢM	GIẢM		46.38				50.95		
BSR	7.70	GIẢM	GIẢM		8.54				9.54		
BVH	67.00	GIẢM	GIẢM		69.33				73.44		
BWE	22.65	GIẢM	GIẢM		23.27				24.77		
CEO	8.90	GIẢM	GIẢM		9.33				9.80		
CII	23.80	GIẢM	GIẢM		23.89				24.76		
CMG	35.00	GIẢM	TĂNG		37.36			23.20	34.96	50.86%	
CMX	11.90	GIẢM	GIẢM		14.54				19.34		
CSM	14.30	TĂNG	GIẢM	14.30	13.59	0.00%			14.75		
CTD	49.55	GIẢM	GIẢM		54.64				63.74		
CTG	23.55	TĂNG	TĂNG	20.60	21.18	14.32%		23.55	21.78	0.00%	MUA
CTR	40.80	GIẢM	N/A		42.55			-	N/A		
CVT	20.20	GIẢM	GIẢM		20.69				22.66		
DCM	5.98	GIẢM	GIẢM		6.22				7.00		
DGC	24.00	GIẢM	GIẢM		25.14				27.56		
DGW	23.30	TĂNG	GIẢM	23.25	21.97	0.22%			24.94		
DHA	31.40	TĂNG	GIẢM	31.85	29.00	-1.41%			32.52		
DHC	36.95	GIẢM	TĂNG		38.32			37.70	36.02	-1.99%	
DHG	88.00	GIẢM	GIẢM		90.90				98.80		
DIG	13.15	GIẢM	GIẢM		13.90				14.69		
DPG	36.10	GIẢM	GIẢM		39.70				47.82		
DPM	12.75	GIẢM	GIẢM		13.00				14.36		
DPR	40.30	TĂNG	TĂNG	40.50	38.30	-0.49%		41.30	35.60	-2.42%	
DQC	16.20	TĂNG	GIẢM	16.20	15.62	0.00%			17.29		
DRC	25.00	TĂNG	TĂNG	24.10	23.70	3.73%		21.60	21.45	15.74%	
DXG	13.40	GIẢM	GIẢM		14.35				16.12		
EIB	18.00	TĂNG	TĂNG	17.80	16.32	1.12%		18.40	16.46	-2.17%	

We Create Fortune

FCN	10.00	GIẢM	GIẢM		10.35			11.21		
FMC	25.95	GIẢM	TĂNG		26.74		31.60	25.00	-17.88%	
FPT	57.50	TĂNG	TĂNG	57.00	56.51	0.88%	46.00	54.99	25.00%	
GAS	95.90	TĂNG	GIẢM	97.80	94.48	-1.94%		103.52		
GEX	19.70	TĂNG	GIẢM	20.50	18.92	-3.90%		20.84		
GIL	16.60	GIẢM	GIẢM		17.71			19.38		
GMD	22.00	GIẢM	GIẢM		22.32			25.16		
GTN	18.40	GIẢM	GIẢM		19.99			21.72		
GVR	11.20	TĂNG	N/A	11.70	10.59	-4.27%		N/A		
HAG	4.08	TĂNG	GIẢM	3.86	3.89	5.70%		4.22		
HAX	14.20	GIẢM	GIẢM		15.77			19.51		
HBC	11.65	TĂNG	GIẢM	10.70	10.57	8.88%		12.34		
HCM	21.00	GIẢM	GIẢM		21.67			23.78		
HDB	28.10	TĂNG	GIẢM	27.55	26.52	2.00%		29.24		
HDC	22.10	GIẢM	TĂNG		24.69		15.25	21.08	44.92%	
HDG	29.80	GIẢM	GIẢM		31.13			33.28		
HNG	14.05	GIẢM	GIẢM		14.53			15.49		
HPG	24.20	TĂNG	TĂNG	24.00	23.26	0.83%	23.85	22.11	1.47%	
HSG	8.09	GIẢM	TĂNG		8.30		7.75	7.30	4.39%	
HT1	14.55	GIẢM	TĂNG		14.96		16.90	13.91	-13.91%	
HUT	2.30	GIẢM	GIẢM		2.50			2.71		
HVN	32.60	GIẢM	GIẢM		34.19			36.93		
KBC	15.40	TĂNG	TĂNG	15.25	14.71	0.98%	15.35	14.00	0.33%	
KDH	25.60	GIẢM	TĂNG		26.41		24.00	24.98	6.67%	
KSB	15.10	GIẢM	GIẢM		17.05			19.42		
LCG	7.52	GIẢM	GIẢM		8.03			8.76		
LDG	7.60	GIẢM	GIẢM		8.58			10.08		
LHG	15.70	GIẢM	GIẢM		16.29			16.89		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.60	7.40	1.32%		8.05		
MBB	21.40	GIẢM	GIẢM		21.52			22.70		
MPC	24.10	TĂNG	TĂNG	20.10	22.55	19.90%	24.10	23.55	0.00%	MUA
MSN	56.50	TĂNG	GIẢM	57.50	53.56	-1.74%		63.22		
MSR	15.00	TĂNG	GIẢM	14.40	14.77	4.17%		16.05		
MWG	115.10	TĂNG	GIẢM	113.40	112.38	1.50%		122.49		
NDN	15.60	GIẢM	GIẢM		17.09		13.70	16.31	19.04%	BÁN
NKG	8.95	TĂNG	TĂNG	7.38	7.67	21.27%	7.11	6.39	25.88%	
NLG	26.30	GIẢM	TĂNG		27.28		28.70	26.30	-8.36%	
NT2	19.00	GIẢM	GIẢM		20.39			22.16		
NTL	23.00	GIẢM	TĂNG		23.08		24.20	21.14	-4.96%	

We Create Fortune

NVL	55.80	GIẢM	GIẢM		57.64			60.29		
OIL	7.80	GIẢM	GIẢM		8.74			9.54		
PAC	24.85	GIẢM	GIẢM		25.52			27.41		
PC1	17.70	GIẢM	GIẢM		17.82			19.78		
PDR	25.35	GIẢM	TĂNG		26.21		29.00	25.19	-12.59%	
PHR	38.90	GIẢM	GIẢM		41.49			47.71		
PLX	55.70	TĂNG	GIẢM	57.10	55.54	-2.45%		60.01		
PNJ	88.50	TĂNG	TĂNG	84.70	84.36	4.49%	77.07	80.07	14.83%	
POW	11.10	GIẢM	GIẢM		11.52			12.94		
PVT	15.65	GIẢM	GIẢM		16.56		17.53	16.28	-7.15%	BÁN
PPC	25.55	GIẢM	TĂNG		26.85		28.40	24.39	-10.04%	
PTB	67.90	GIẢM	GIẢM		70.38		64.00	68.51	7.04%	BÁN
PVB	17.70	GIẢM	GIẢM		18.85			20.32		
PVD	15.15	TĂNG	GIẢM	15.85	15.11	-4.42%		16.61		
PVI	32.00	TĂNG	GIẢM	32.30	30.85	-0.93%		33.18		
PVS	18.40	TĂNG	GIẢM	17.80	18.17	3.37%		19.30		
PXS	5.72	TĂNG	TĂNG	5.78	5.40	-1.04%	6.20	4.88	-7.74%	
QNS	26.90	GIẢM	GIẢM		27.53			29.44		
REE	35.70	TĂNG	TĂNG	36.95	35.52	-3.38%	33.33	35.23	7.13%	
SAB	233.50	TĂNG	GIẢM	233.50	229.98	0.00%	MUA	248.37		
SAM	8.87	TĂNG	TĂNG	8.15	8.62	8.83%	7.40	7.61	19.86%	
SCR	5.51	GIẢM	TĂNG		5.91		6.33	5.26	-12.95%	
SHI	8.94	GIẢM	TĂNG		9.22		6.99	8.30	27.90%	
SJS	16.65	TĂNG	TĂNG	17.00	15.99	-2.06%	17.00	14.40	-2.06%	
SKG	12.15	GIẢM	TĂNG		12.85		12.30	11.66	-1.22%	
SSI	18.30	GIẢM	GIẢM		18.51			20.12		
STB	10.50	TĂNG	GIẢM	10.50	10.28	0.00%	MUA	10.80		
TCB	23.15	GIẢM	GIẢM		23.62			24.80		
TCM	21.20	TĂNG	GIẢM	20.95	20.06	1.19%		21.83		
TDH	10.35	TĂNG	GIẢM	10.50	10.03	-1.43%		11.10		
TLH	4.15	TĂNG	TĂNG	4.06	3.77	2.22%	4.48	3.49	-7.37%	
TNG	15.70	TĂNG	GIẢM	15.10	15.00	3.97%		16.69		
VCB	89.50	GIẢM	TĂNG		90.82		62.00	83.93	44.35%	
VCG	25.60	GIẢM	TĂNG		26.32		19.20	25.28	33.33%	
VCS	66.00	GIẢM	GIẢM		72.44			87.65		
VGC	18.05	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-1.90%		19.23		
VGT	8.10	TĂNG	GIẢM	8.90	7.96	-8.99%		8.95		
VHC	40.70	TĂNG	GIẢM	40.60	38.96	0.25%		41.92		
VHM	84.50	GIẢM	GIẢM		86.02			92.59		



We Create Fortune

VIB	17.00	GIẢM	TĂNG		17.62			17.70	16.56	-3.95%	
VIC	114.80	GIẢM	TĂNG		116.48			112.00	113.76	2.50%	
VIP	5.00	GIẢM	GIẢM		5.09				5.29		
VJC	146.20	GIẢM	TĂNG		147.24			124.50	139.40	17.43%	
VND	14.30	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	1.42%			14.88		
VNG	19.50	GIẢM	GIẢM		19.73				20.99		
VNM	118.90	GIẢM	GIẢM		120.32				126.45		
VPB	21.05	TĂNG	GIẢM	20.00	19.84	5.25%			21.28		
VPI	42.30	TĂNG	TĂNG	42.45	41.25	-0.35%		41.30	39.78	2.42%	
VRC	10.25	GIẢM	GIẢM		12.91				20.36		
VRE	33.95	GIẢM	TĂNG		34.57			35.05	32.08	-3.14%	
VSC	27.00	TĂNG	TĂNG	25.45	26.40	6.09%		27.00	24.46	0.00%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.70	GIẢM	TĂNG		22.92			24.00	22.57	-5.42%	
BID	51.30	TĂNG	TĂNG	41.90	46.10	22.43%		33.40	42.78	53.59%	
BSR	7.70	GIẢM	GIẢM		8.54				9.54		
BVH	67.00	GIẢM	GIẢM		69.33				73.44		
CTG	23.55	TĂNG	TĂNG	20.60	21.18	14.32%		23.55	21.78	0.00%	MUA
FPT	57.50	TĂNG	TĂNG	57.00	56.51	0.88%		40.23	54.99	42.94%	
GAS	95.90	TĂNG	GIẢM	97.80	94.48	-1.94%			103.52		
GEX	19.70	TĂNG	GIẢM	20.50	18.92	-3.90%			20.84		
GVR	11.20	TĂNG	N/A	11.70	10.59	-4.27%			N/A		
HDB	28.10	TĂNG	GIẢM	27.55	26.52	2.00%			29.24		
HNG	14.05	GIẢM	GIẢM		14.53				15.49		
HPG	24.20	TĂNG	TĂNG	24.00	23.26	0.83%		23.85	22.11	1.47%	
HVN	32.60	GIẢM	GIẢM		34.19				36.93		
KDH	25.60	GIẢM	TĂNG		26.41			24.00	24.98	6.67%	
MBB	21.40	GIẢM	GIẢM		21.52				22.70		
MSN	56.50	TĂNG	GIẢM	57.50	53.56	-1.74%			63.22		
MWG	115.10	TĂNG	GIẢM	113.40	112.38	1.50%			122.49		
NVL	55.80	GIẢM	GIẢM		57.64				60.29		
OIL	7.80	GIẢM	GIẢM		8.74				9.54		
PLX	55.70	TĂNG	GIẢM	57.10	55.54	-2.45%			60.01		
PNJ	88.50	TĂNG	TĂNG	84.70	84.36	4.49%		77.07	80.07	14.83%	

We Create Fortune

POW	11.10	GIẢM	GIẢM		11.52				12.94		
QNS	26.90	GIẢM	GIẢM		27.53				29.44		
REE	35.70	TĂNG	TĂNG	36.95	35.52	-3.38%		33.33	35.23	7.13%	
ROS	12.15	GIẢM	GIẢM		15.88				20.44		
SBT	18.70	TĂNG	TĂNG	18.60	18.09	0.54%		17.50	17.46	6.86%	
SSI	18.30	GIẢM	GIẢM		18.51				20.12		
STB	10.50	TĂNG	GIẢM	10.50	10.28	0.00%	MUA		10.80		
TCB	23.15	GIẢM	GIẢM		23.62				24.80		
TPB	21.50	GIẢM	GIẢM		21.51				23.94		
VCB	89.50	GIẢM	TĂNG		90.82			62.00	83.93	44.35%	
VCG	25.60	GIẢM	TĂNG		26.32			18.44	25.28	38.82%	
VCS	66.00	GIẢM	GIẢM		72.44				87.65		
VEA	44.50	TĂNG	GIẢM	45.50	42.37	-2.20%			59.45		
VGI	23.10	GIẢM	N/A		24.85				N/A		
VHM	84.50	GIẢM	GIẢM		86.02				92.59		
VIB	17.00	GIẢM	TĂNG		17.62			15.00	16.56	13.30%	
VIC	114.80	GIẢM	TĂNG		116.48			112.00	113.76	2.50%	
VJC	146.20	GIẢM	TĂNG		147.24			124.50	139.40	17.43%	
VNM	118.90	GIẢM	GIẢM		120.32				126.45		
VPB	21.05	TĂNG	GIẢM	20.00	19.84	5.25%			21.28		
VRE	33.95	GIẢM	TĂNG		34.57			35.05	32.08	-3.14%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.10	GIẢM	GIẢM		12.84				14.25		
ANV	22.00	TĂNG	GIẢM	22.80	21.77	-3.51%			24.61		
ASM	6.40	GIẢM	GIẢM		6.89				7.24		
BMI	24.80	TĂNG	TĂNG	25.65	24.39	-3.31%		26.70	23.99	-7.12%	
BMP	45.80	GIẢM	GIẢM		46.38				50.95		
BWE	22.65	GIẢM	GIẢM		23.27				24.77		
CEO	8.90	GIẢM	GIẢM		9.33				9.80		
CII	23.80	GIẢM	GIẢM		23.89				24.76		
CRE	24.80	TĂNG	TĂNG	24.20	24.13	2.48%		25.00	23.65	-0.80%	
CTI	21.30	TĂNG	GIẢM	21.80	21.07	-2.29%			23.07		
CTR	40.80	GIẢM	GIẢM		42.55				48.02		
D2D	67.50	GIẢM	GIẢM		72.41			83.10	73.17	-11.95%	BÁN



We Create Fortune

DBD	53.70	GIẢM	GIẢM		57.08			38.65	54.36	40.64%	BÁN
DCM	5.98	GIẢM	GIẢM		6.22				7.00		
DGW	23.30	TĂNG	GIẢM	23.25	21.97	0.22%			24.94		
DHC	36.95	GIẢM	TĂNG		38.32			37.70	36.02	-1.99%	
DIG	13.15	GIẢM	GIẢM		13.90				14.69		
DPG	36.10	GIẢM	GIẢM		39.70				47.82		
DPM	12.75	GIẢM	GIẢM		13.00				14.36		
DRC	25.00	TĂNG	TĂNG	24.10	23.70	3.73%		21.60	21.45	15.74%	
DXG	13.40	GIẢM	GIẢM		14.35				16.12		
E1VFN30	14.72	TĂNG	GIẢM	14.76	14.42	-0.27%			15.42		
FCN	10.00	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		
FLC	4.20	GIẢM	TĂNG		4.75			4.63	4.02	-9.29%	
GEG	26.50	GIẢM	TĂNG		27.19			12.50	25.77	111.96%	
GMD	22.00	GIẢM	GIẢM		22.32				25.16		
GTN	18.40	GIẢM	GIẢM		19.99				21.72		
HAG	4.08	TĂNG	GIẢM	3.86	3.89	5.70%			4.22		
HBC	11.65	TĂNG	GIẢM	10.70	10.57	8.88%			12.34		
HCM	21.00	GIẢM	GIẢM		21.67				23.78		
HDC	22.10	GIẢM	TĂNG		24.69			15.25	21.08	44.92%	
HDG	29.80	GIẢM	GIẢM		31.13				33.28		
HPX	26.35	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-4.18%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.09	GIẢM	TĂNG		8.30			7.75	7.30	4.39%	
HT1	14.55	GIẢM	TĂNG		14.96			16.90	13.91	-13.91%	
HTM	20.00	TĂNG	TĂNG	16.00	18.11	25.00%		20.00	18.47	0.00%	MUA
IBC	20.40	GIẢM	GIẢM		20.60				21.22		
IDI	5.00	GIẢM	GIẢM		5.24				5.87		
IJC	15.00	GIẢM	TĂNG		16.02			13.10	14.05	14.50%	
ITA	2.66	TĂNG	GIẢM	2.87	2.65	-7.32%			3.09		
KBC	15.40	TĂNG	TĂNG	15.25	14.71	0.98%		14.85	14.00	3.73%	
KDC	19.30	TĂNG	TĂNG	19.50	18.52	-1.03%		20.82	18.08	-7.28%	
KOS	29.00	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	8.21%		26.30	25.30	10.27%	
KSB	15.10	GIẢM	GIẢM		17.05				19.42		
LDG	7.60	GIẢM	GIẢM		8.58				10.08		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.60	7.40	1.32%			8.05		
MBG	15.70	GIẢM	GIẢM		21.00				37.20		
MBS	14.80	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	0.68%			15.75		
MPC	24.10	TĂNG	TĂNG	20.10	22.55	19.90%		24.10	23.55	0.00%	MUA
NBB	20.25	GIẢM	GIẢM		20.91				22.02		

We Create Fortune

NKG	8.95	TĂNG	TĂNG	7.38	7.67	21.27%		7.11	6.39	25.88%	
NLG	26.30	GIẢM	TĂNG		27.28			26.28	26.30	0.07%	
NT2	19.00	GIẢM	GIẢM		20.39				22.16		
NTL	23.00	GIẢM	TĂNG		23.08			24.20	21.14	-4.96%	
NVB	9.20	GIẢM	TĂNG		9.79			8.50	8.62	8.24%	
OGC	3.65	GIẢM	GIẢM		3.67				3.92		
PC1	17.70	GIẢM	GIẢM		17.82				19.78		
PDR	25.35	GIẢM	TĂNG		26.21			23.59	25.19	7.44%	
PHR	38.90	GIẢM	GIẢM		41.49				47.71		
PPC	25.55	GIẢM	TĂNG		26.85			28.40	24.39	-10.04%	
PTB	67.90	GIẢM	GIẢM		70.38			60.78	68.51	12.71%	BÁN
PVD	15.15	TĂNG	GIẢM	15.85	15.11	-4.42%			16.61		
PVI	32.00	TĂNG	GIẢM	32.30	30.85	-0.93%			33.18		
PVS	18.40	TĂNG	GIẢM	17.80	18.17	3.37%			19.30		
PVT	15.65	GIẢM	GIẢM		16.56			17.31	16.28	-5.94%	BÁN
QCG	3.69	GIẢM	GIẢM		3.89				4.55		
SCR	5.51	GIẢM	TĂNG		5.91			6.33	5.26	-12.95%	
SGP	6.70	GIẢM	GIẢM		7.36				8.96		
SHB	7.10	TĂNG	TĂNG	6.40	6.19	10.94%		7.10	6.72	0.00%	MUA
SHS	7.60	GIẢM	TĂNG		7.81			8.40	7.36	-9.52%	
SZC	16.15	GIẢM	GIẢM		18.46				19.60		
TCH	34.65	TĂNG	TĂNG	30.05	32.91	15.31%		26.15	28.82	32.50%	
TCM	21.20	TĂNG	GIẢM	20.95	20.06	1.19%			21.83		
TDH	10.35	TĂNG	GIẢM	10.50	10.03	-1.43%			11.10		
TNG	15.70	TĂNG	GIẢM	15.10	15.00	3.97%			16.69		
TTB	3.82	GIẢM	GIẢM		4.44				7.33		
VGC	18.05	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-1.90%			19.23		
VGT	8.10	TĂNG	GIẢM	8.90	7.96	-8.99%			8.95		
VHC	40.70	TĂNG	GIẢM	40.60	38.96	0.25%			41.92		
VND	14.30	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	1.42%			14.88		
VNG	19.50	GIẢM	GIẢM		19.73				20.99		
VPI	42.30	TĂNG	TĂNG	42.45	41.25	-0.35%		41.30	39.78	2.42%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.00	TĂNG	TĂNG	8.30	8.15	8.43%		9.00	8.97	0.00%	MUA

We Create Fortune

AGR	3.45	TĂNG	GIẢM	3.59	3.35	-3.90%			3.93		
AMD	1.82	GIẢM	GIẢM		2.30				2.66		
APG	9.77	TĂNG	TĂNG	8.76	9.49	11.53%		9.90	8.56	-1.31%	
ART	2.30	GIẢM	TĂNG		2.86			2.30	2.12	0.00%	
BCG	6.23	GIẢM	GIẢM		7.14				8.95		
C4G	5.90	GIẢM	GIẢM		6.30				6.98		
C69	6.80	GIẢM	GIẢM		8.49				14.17		
CCL	7.33	GIẢM	TĂNG		8.24			7.88	6.27	-6.98%	
CVT	20.20	GIẢM	GIẢM		20.69				22.66		
DAH	8.80	GIẢM	GIẢM		9.77				11.27		
DLG	2.25	TĂNG	TĂNG	1.80	2.09	25.00%		1.71	1.69	31.58%	
DRH	3.22	GIẢM	GIẢM		3.70				5.31		
DTD	10.40	GIẢM	GIẢM		11.05				12.54		
EVG	2.50	GIẢM	GIẢM		2.65				2.90		
FIT	9.21	GIẢM	TĂNG		10.47			3.64	8.91	153.02%	
FTM	1.96	GIẢM	GIẢM		2.21				3.76		
FUES SV50	12.70	GIẢM	GIẢM		12.73				13.06		
GKM	15.50	TĂNG	TĂNG	15.00	14.79	3.33%		14.90	14.41	4.03%	
HAH	11.30	GIẢM	GIẢM		11.72				13.25		
HAI	2.68	GIẢM	GIẢM		3.44				3.93		
HAR	3.09	GIẢM	GIẢM		3.76				4.96		
HDA	9.60	GIẢM	GIẢM		10.07				11.26		
HHP	12.20	TĂNG	GIẢM	12.20	11.66	0.00%			13.13		
HHS	3.05	GIẢM	TĂNG		3.30			3.36	2.97	-9.23%	
HID	2.30	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	-2.54%		2.63	2.16	-12.55%	
HII	9.27	GIẢM	GIẢM		9.57				10.75		
HQC	1.07	GIẢM	GIẢM		1.20			1.16	1.08	-6.84%	BÁN
HSL	7.50	GIẢM	GIẢM		7.74				8.67		
HUT	2.30	GIẢM	GIẢM		2.50				2.71		
HVG	8.85	TĂNG	TĂNG	7.82	7.93	13.17%		3.90	6.94	126.92%	
HVH	14.45	TĂNG	GIẢM	15.85	13.95	-8.83%			18.30		
IDJ	7.50	TĂNG	TĂNG	6.90	5.72	8.70%		7.20	5.42	4.17%	
JVC	3.44	GIẢM	GIẢM		3.66				4.21		
KLF	1.40	GIẢM	TĂNG		1.82			1.50	1.33	-6.67%	
LCG	7.52	GIẢM	GIẢM		8.03				8.76		
LGL	7.90	GIẢM	GIẢM		8.25				8.86		
LHG	15.70	GIẢM	GIẢM		16.29				16.89		
LMH	5.17	GIẢM	GIẢM		6.60				10.81		



We Create Fortune

MST	5.20	GIẢM	TĂNG		5.40			3.40	4.23	52.94%	
NDN	15.60	GIẢM	GIẢM		17.09			13.10	16.31	24.46%	BÁN
PHC	10.75	GIẢM	GIẢM	11.30	10.75	-4.83%	BÁN		11.99		
PLP	9.30	GIẢM	GIẢM		10.10				11.14		
PVB	17.70	GIẢM	GIẢM		18.85				20.32		
PVC	6.80	TĂNG	TĂNG	7.00	6.69	-2.86%		6.70	6.66	1.49%	
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.32				1.45		
PXL	8.00	TĂNG	TĂNG	8.40	7.88	-4.76%		6.70	6.64	19.40%	
SHI	8.94	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	55.07%	
SJF	1.81	GIẢM	GIẢM		2.11				2.63		
SPP	1.80	GIẢM	GIẢM		2.09				2.60		
TDC	8.79	TĂNG	GIẢM	8.75	8.26	0.46%			9.04		
TIG	6.40	GIẢM	TĂNG		7.05			3.20	5.54	100.00%	
TLH	4.15	TĂNG	TĂNG	4.06	3.77	2.22%		4.48	3.49	-7.37%	
TNA	19.35	GIẢM	GIẢM		21.31				24.95		
TNI	10.15	GIẢM	TĂNG		10.75			10.90	9.99	-6.88%	
TSC	2.78	GIẢM	GIẢM		3.11				3.45		
TTF	2.57	GIẢM	GIẢM		2.74				3.03		
TTH	2.60	GIẢM	GIẢM		2.63				2.93		
TVC	20.00	TĂNG	TĂNG	16.90	18.28	18.34%		14.30	15.80	39.86%	
VC3	17.20	TĂNG	TĂNG	17.00	16.34	1.18%		22.00	16.32	-21.82%	
VCR	10.40	GIẢM	GIẢM		11.98				16.37		
VNA	2.90	GIẢM	GIẢM		3.30				4.40		
VNE	3.59	GIẢM	GIẢM		3.78				3.70		
VRC	10.25	GIẢM	GIẢM		12.91				20.36		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	968.54	0.87%	HNI	102.22	0.96%	UPCoM	55.56	0.69%
VN30	885.52	0.88%	HN30	180.51	1.31%			
VN Mid	922.47	0.18%	VNX	847.77	0.66%			
VN Small	751.17	-0.50%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1640.01		Mua	2.13		Mua	13.70	
Bán	567.69		Bán	3.98		Bán	5.29	
GT ròng	1072.32		GT ròng	-1.85		GT ròng	8.40	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NKG	500	5.92%	SHB	600	9.23%	TBD	9000	14.61%
CTG	1100	4.90%	TVC	600	3.09%	LPB	300	4.05%
FIT	350	3.95%	SHS	200	2.70%	EVF	200	3.28%
CII	900	3.93%	MBS	300	2.07%	TDP	500	3.13%
KOS	1000	3.57%	ACB	300	1.34%	VEA	1200	2.77%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HAI	-200	-6.94%	NDN	-700	-4.29%	HTM	-1300	-6.10%
ROS	-900	-6.90%	L14	-2000	-3.23%	BSR	-300	-3.75%
BCG	-460	-6.88%	TIG	-200	-3.03%	CC1	-400	-2.76%
PGD	-3700	-6.86%	VCS	-1300	-1.93%	MPC	-400	-1.63%
DLG	-110	-4.66%	AMV	-300	-1.27%	VIB	-100	-0.58%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	387,965		ACB	37,106		ACV	158,810	
VCB	328,977		VCG	11,219		VEA	57,481	
VHM	274,017		VCS	10,768		MCH	49,833	
VNM	206,527		PVS	8,842		GVR	43,864	
BID	199,693		SHB	7,820		BCM	28,894	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
PGD	18,905,776	0	SHB	12,074,293	0	CC1	3,888,800	0
CTG	14,794,830	0	AMV	2,398,200	0	KSH	2,633,360	0
STB	10,754,160	0	ACB	2,371,531	0	BSR	2,137,026	0
HPG	10,256,180	0	PVS	2,134,232	0	TBD	2,000,500	0
DLG	8,921,930	0	KLF	2,021,320	0	NTC	906,300	0

Nguồn: Bloomberg & YSVN

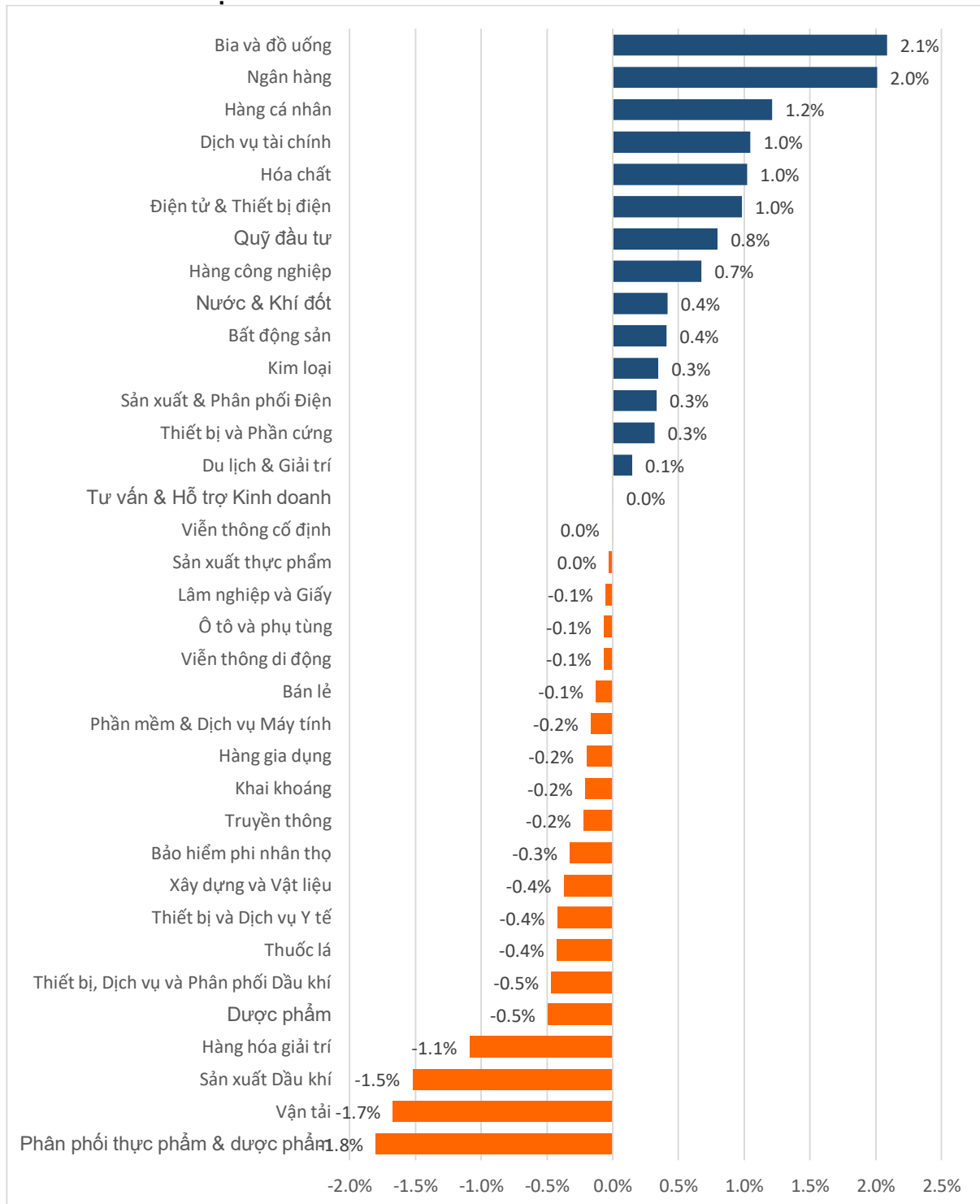
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



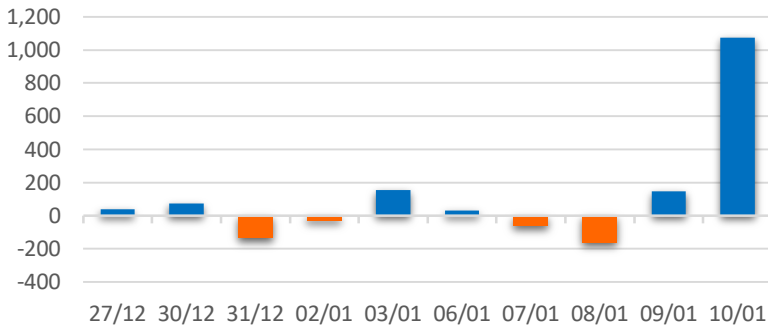
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

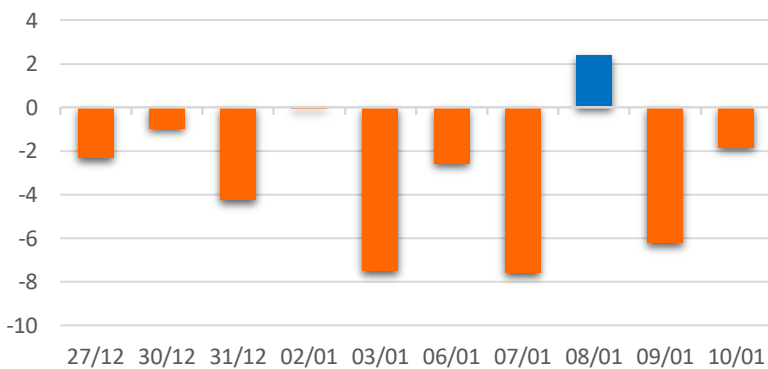
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PGD	1,020,801	VCB	59,940
CTG	55,084	KDC	25,624
HPG	26,576	AGG	21,666
VNM	21,502	PDR	5,311
HDB	10,590	HCM	4,902

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

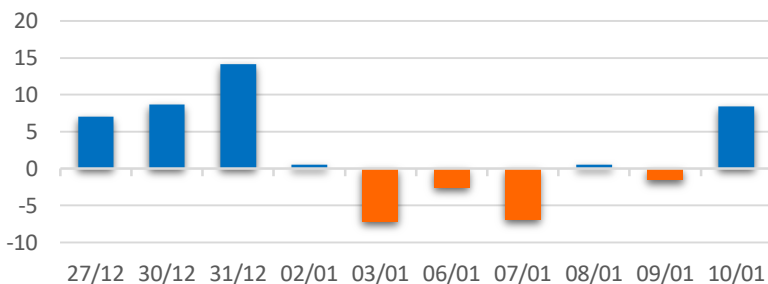
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
ART	705	WCS	1,203
TNG	501	INN	787
DP3	158	SHB	443
BVS	90	TIG	195
IVS	64	CEO	173

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VEA	4,926	ACV	1,213
LPB	1,521	GVR	117
QNS	792	SDP	14
DTI	499	MFS	12
KSH	392	PSG	6

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



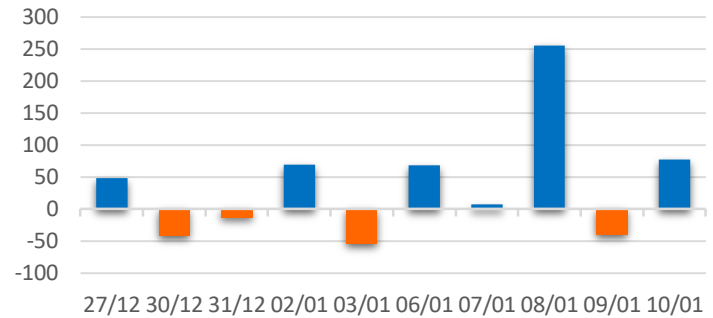
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

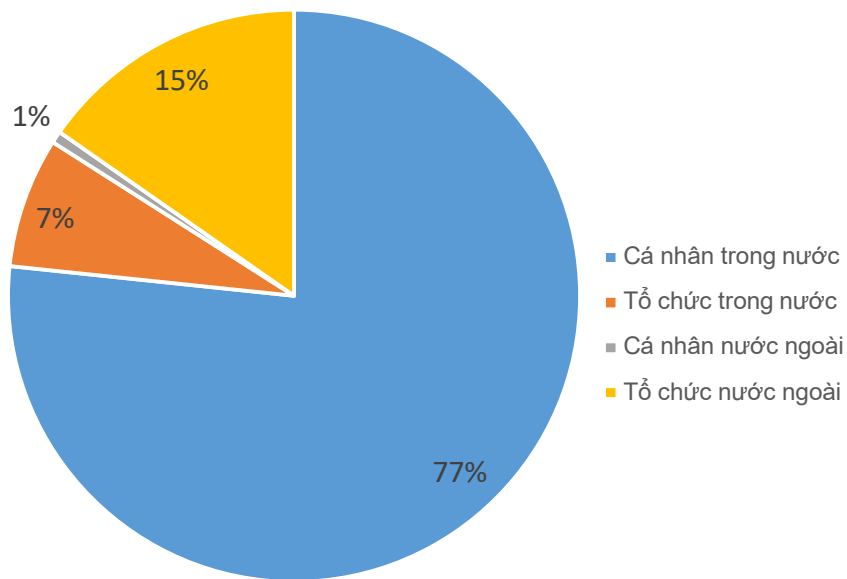
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MBB	13,444	CTG	13,208
PHC	13,440	HPG	6,699
TCB	10,305	MBB	4,418
0	#N/A	FPT	2,997
HPG	8,128	SAB	1,676

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

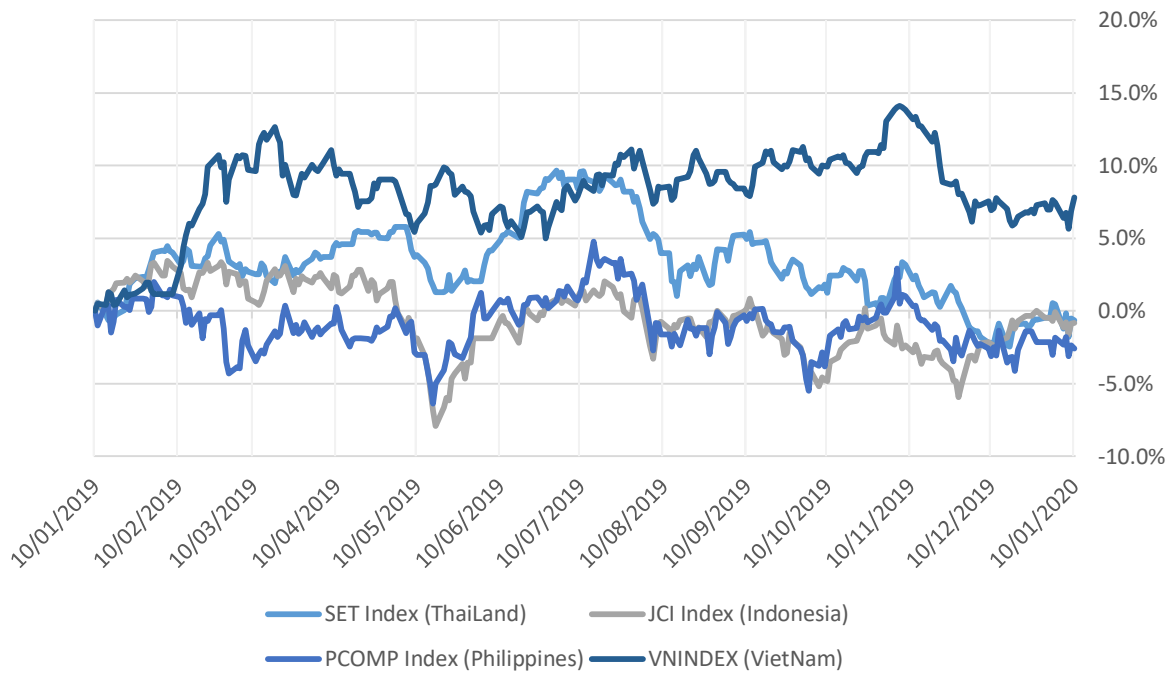


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

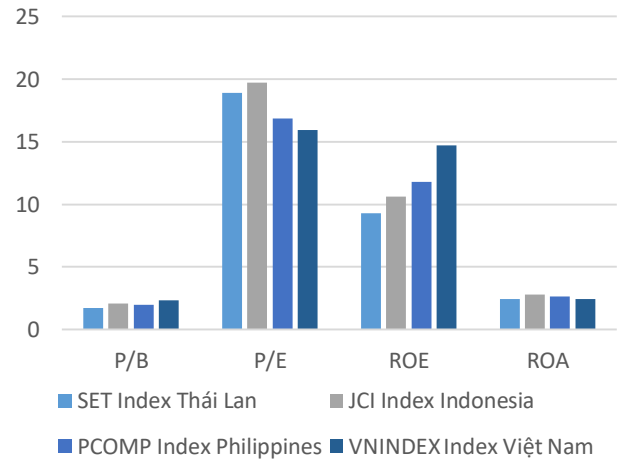
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.1x	2.0x	2.3x
P/E		18.9x	19.7x	16.9x	15.9x
ROE	%	9.28	10.61	11.79	14.70
ROA	%	2.41	2.80	2.66	2.41
Vốn hóa	Tỷ USD	552.21	527.40	191.93	141.58
GTGD	Triệu USD	1.98	0.33	0.08	0.10
LS cổ tức	%	3.27	2.42	1.61	2.03

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Qué

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn



We Create Fortune

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written